

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**NINH THUẬN**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 183/CNNT

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 06 năm 2018

**KÍNH GỬI:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
2. Mã chứng khoán: **NNT**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.**
4. Điện thoại: **0259.3823980** Fax: **0259.3820350**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Mai Thị Thanh Hương**
6. Nội dung thông tin công bố:
  - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, KTTV.



**Mai Thị Thanh Hương**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Phạm Hồng Châu**

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 5 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại khu Hội nghị Long Thuận, phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. Sau một buổi làm việc với tinh thần dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua nghị quyết gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Báo cáo tài chính năm 2017:

- Vốn điều lệ:	94.908.414.916đ
- Tổng doanh thu:	136.666.630.103đ
- Lợi nhuận sau thuế	20.881.652.276đ
- Các khoản phải nộp ngân sách:	10.316.840.684đ

2. Cơ bản thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.



- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

3. Cơ bản thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

4. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2018.

5. Thông qua việc chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2017 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2018.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và mức chia cổ tức phần lợi nhuận sau thuế năm 2017; cụ thể mức chia cổ tức như sau:

+ Mức chi trả cổ tức phần lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của năm 2017 là 12%/ cổ phần (tương đương 1.200 đồng/cổ phần), tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần, tương đương số tiền 11.389.009.200 đồng.

+ Dự kiến ngày chốt danh sách chia cổ tức năm 2017 là ngày 18/6/2018.

+ Ngày nhận cổ tức: bắt đầu từ ngày 9/7/2018.

7. Cơ bản thống nhất một số chỉ tiêu Kế hoạch SX-KD, Đầu tư XD CB, Tài chính năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản

289  
ÔNG  
PH  
ÁP NI  
NH T  
C.T.C

năm 2018 để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT) để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

8. Không thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty.

9. Không thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

10. Không thông qua Tờ trình về việc ban hành quy chế quản trị Công ty.

11. Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

12. Thông qua tờ trình về số lượng và cơ cấu nhân sự thành viên HĐQT. Riêng Ban kiểm soát nhất trí số lượng là 03 thành viên, tại đại hội chỉ bầu 02 và sẽ bầu bổ sung 01 thành viên trong thời gian tới theo quy định.

13. Thống nhất kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019, gồm:

	Tỷ lệ %
1. Đinh Ân	102,39
2. Nguyễn Đức Cẩm	99,46
3. Nguyễn Quốc Quyền	97,88
4. Phạm Hữu Sơn	102,16
5. Võ Ngọc Thoại	97,46

14. Thống nhất kết quả bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019, gồm:

	Tỷ lệ %
1. Bá Bạch Thủy Tiên	100,26
2. Đinh Lê Ngọc Trâm	99,70

Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết với tỷ lệ 100% số cổ đông có mặt tán thành (chiếm 97,63% số cổ đông toàn Công ty).

Đại hội nhất trí chỉ định ông Đinh Ân trúng cử với tỷ lệ 102,39% có trách nhiệm triệu tập phiên họp thứ nhất của HĐQT và BKS trong thời gian 07 ngày làm việc sau ngày kết thúc Đại hội để bầu Chủ tịch HĐQT và Giám đốc, hướng dẫn Ban Kiểm soát bầu Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Trên cơ sở những nội dung cổ đông đã biểu quyết nhất trí thông qua tại Đại hội này, Đại hội ủy quyền lại cho Hội đồng quản trị với chức trách của mình lãnh chỉ đạo Ban Giám đốc đề ra chương trình kế hoạch và giải pháp nhằm thực hiện hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu nghị quyết đã đề ra.

**CHỦ TRÌ ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông trong danh sách đã chốt đến ngày 17/5/2018;
- Sở Giao dịch chứng khoán (B/c);
- Lưu VT, TK.



**Nguyễn Hoàng**



*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 5 năm 2018*

**BIÊN BẢN  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Đại hội Khai mạc lúc 8 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại khu Hội nghị Long Thuận, phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Chúng tôi là những cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, với thành phần và những nội dung sau:

**I. Thành phần tham dự:**

\* Đại biểu: Ông Phạm Văn Hậu – Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

\* Cổ đông:

- Số cổ đông và đại diện cổ đông hiện diện 66 người, sở hữu và đại diện sở hữu 9.266.391 cổ phần của Công ty đạt 97,63%.

**II. Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

a. Chủ tịch đoàn gồm:

- + Ông Nguyễn Hoàng
- + Ông Nguyễn Văn Minh
- + Ông Phạm Hồng Châu

b. Thư ký đoàn gồm:

- + Ông Nguyễn Hữu Hùng.
- + Ông Lâm Đại Nam

c. Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm:

- + Ông Trần Hồng Phương
- + Bà Mai Thị Thanh Hương
- + Bà Ngô Huỳnh Kim Thoa
- + Bà Nguyễn Thị Thu Hương
- + Bà Hà Thị Mỹ Linh

**III. Nội dung Đại hội:**

- Sau phần giới thiệu đại biểu và tuyên bố lý do, chương trình Đại hội được tiến hành như sau:





\* Thông qua nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

\* Thông qua Thẻ lệ làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội.

\* Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông với những nội dung chính như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận là 94.908.414.916 đồng tương ứng với 9.490.841 cổ phần. Trong đó nhà nước nắm giữ 52,06% tương ứng với 4.940.555 cổ phần. Cổ đông chiến lược nắm giữ 42,38% tương ứng 4.022.486 cổ phần, tự do chiếm 5,56%.

- Những người hiện diện mua cổ phần của Công ty đều có tư cách cổ đông. Những người đại diện cổ đông đều có sự ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.

- 66 cổ đông và đại diện cổ đông hiện diện tại Đại hội, sở hữu và đại diện sở hữu 9.266.391 cổ phần, chiếm 97,63% tổng số cổ phần Công ty.

Như vậy căn cứ theo các điều khoản của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Đại hội cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận hội đủ các điều kiện để tiến hành và các cổ đông cùng đại diện cổ đông hiện diện có quyền biểu quyết tính theo số cổ phần mua.

\* Thông qua Thẻ lệ làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội. Thống nhất nguyên tắc các vấn đề của Đại hội được thông qua khi đạt ít nhất:

1. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

\* Chủ trì Đại hội giới thiệu chương trình Đại hội, 100% cổ đông tham dự Đại hội nhất trí tán thành nội dung chương trình.

- Bà Nguyễn Thu Hoà, Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình và Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán (đính kèm báo cáo).

- Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018. Báo cáo

nêu rõ tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017, bao gồm: công tác chỉ đạo hoạt động của Công ty; công tác giám sát; đề ra phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2018 (đính kèm báo cáo).

- Ông Trần Hồng Phương - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, trong đó nêu rõ kết quả kiểm soát hoạt động kinh doanh, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Ban kiểm soát (đính kèm Báo cáo).

- Bà Nguyễn Thu Hòa, Kế toán trưởng Công ty thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2018 (đính kèm Tờ trình).

- Bà Nguyễn Thu Hòa, Kế toán trưởng Công ty thông qua Tờ trình về việc phê duyệt chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2017 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2018 (đính kèm Tờ trình).

- Ông Phạm Hồng Châu – Giám đốc Công ty thông qua tờ trình và Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 (đính kèm Tờ trình).

- Ông Nguyễn Đức Cảm – P. Giám đốc Công ty trình bày tờ trình và Kế hoạch SX-KD, Đầu tư xây dựng cơ bản, Tài chính năm 2018 trước toàn thể Đại hội (có bảng đính kèm).

- Ông Đinh Việt Sơn – P. Giám đốc Công ty trình bày tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty.

- Ông Nguyễn Hoàng – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình về việc ban hành quy chế quản trị Công ty.

#### **IV. Đại hội thảo luận:**

- Tổng hợp Ý kiến của các cổ đông:

- Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung chưa phù hợp với quy định hiện hành, vì vậy đề nghị Hội đồng quản trị mới sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ đảm bảo qui định của Nhà nước và thực tế của Công ty cũng như việc xây dựng Quy chế quản trị Công ty để trình Đại hội tiếp theo.

- Sau khi phân tích về việc đầu tư Nhà máy lọc tinh khiết, ý kiến đại hội: đề nghị cần phải làm rõ về chủ trương, phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường để quyết định trước khi đưa vào kế hoạch.

- Hạng mục Xây hội trường: theo chủ trương của Tỉnh sẽ không cho xây dựng tiếp, đối với số tiền 1,3 tỷ đồng đã tạm ứng cũng như số dự kiến trong kế hoạch không nhất trí đưa vào kế hoạch năm 2018. Tiếp tục làm rõ trách nhiệm để thanh toán phần xây dựng dở dang và hoàn trả mặt bằng cho Công ty.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách



nhệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

- Về công tác bàn giao giữa Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty:

+ Đối với HĐQT: Chủ tịch HĐQT cũ có trách nhiệm bàn giao hồ sơ liên quan cho HĐQT mới trước ngày 15/6/2018.

+ Đối với Giám đốc: Giám đốc Công ty cũ có trách nhiệm xử lý và giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm đến ngày 31/5/2018, rà soát những nội dung, vấn đề, công việc cần chuyển tiếp để lên danh mục cụ thể trước khi bàn giao, nội dung bàn giao gồm: Tài chính, Đầu tư xây dựng cơ bản, tổ chức bộ máy và nhân sự và một số nội dung cần thiết khác, chi tiết bàn giao phải rõ ràng và có xác nhận của những người liên quan đặc biệt là công nợ. Thời điểm bàn giao chậm nhất là ngày 30/6/2018, và có sự chứng kiến của đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước như: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **V. Phát biểu của đại biểu tham dự Đại hội:**

Ông Phạm Văn Hậu – Phó Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu:

1. Đối với những vấn đề đã được thống nhất tại Đại hội thì sớm triển khai thực hiện. Một số vấn đề chưa được thống nhất thì cần làm rõ như Nhà máy lọc tinh khiết và chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT) cần thảo luận để thống nhất đưa vào kế hoạch để chủ động trong quá trình hoạt động.

2. Ban Lãnh đạo mới cần nghiên cứu để có kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng để nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu cấp nước, đặc biệt là những lĩnh vực Tỉnh đang kêu gọi đầu tư như: các Khu, cụm công nghiệp, các địa bàn trọng điểm về du lịch, các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất tôm giống...

3. Cần ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành và tự động hóa nhằm nâng cao năng lực quản và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### **VI. Đại hội biểu quyết:**

1. Nhất trí 100% thông qua Nghị quyết về Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.

2. Cơ bản thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018

để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

3. Cơ bản thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

4. Nhất trí 100% thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2018.

5. Nhất trí 100% thông qua việc chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2017 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2018.

6. Nhất trí 100% thông qua Nghị quyết về Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017, cụ thể mức chia cổ tức như sau:

+ Mức chi trả cổ tức phần lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của năm 2017 là 12%/ cổ phần (tương đương 1.200 đồng/cổ phần), tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần, tương đương số tiền 11.389.009.200 đồng.

+ Dự kiến ngày chốt danh sách chia cổ tức năm 2017 là ngày 18/6/2018.

+ Ngày nhận cổ tức: bắt đầu từ ngày 9/7/2018.

7. Cơ bản thống nhất một số chỉ tiêu Kế hoạch SX-KD, Đầu tư XD CB, Tài chính năm 2018, một số nội dung chưa thống nhất gồm:

- Không đồng ý khoản chi phí đã ứng trong năm 2017 cũng như loại khỏi danh mục Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 đối với khoản mục xây dựng Hội trường Công ty.

- Đối với hạng mục đầu tư nhà máy lọc nước tinh khiết; trước mắt chưa đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018

để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội. Sau đó báo cáo để đưa vào kế hoạch.

- Không thống nhất đưa vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính – Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 chi phí di dời tuyến ống quốc lộ 1A (BOT). để làm rõ tính pháp lý của hồ sơ và tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương cũng như xác định cụ thể nguồn vốn chi trả và làm rõ trách nhiệm của cổ đông cũ và mới về khoản tiền này trước khi đưa vào kế hoạch để thanh quyết toán.

8. Không thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty.

9. Không thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

10. Không thông qua Tờ trình về việc ban hành quy chế quản trị Công ty.

**VII. Đại hội thực hiện chương trình bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2014-2019.**

**1. Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

- Nhất trí 100% thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

- Giới thiệu nhân sự thành viên HĐQT và Ban kiểm soát mới: Sau khi nghe Chủ tịch đoàn báo cáo về số lượng và cơ cấu nhân sự thành viên HĐQT và BKS, Đại hội nhất trí thông qua số lượng và cơ cấu nhân sự thành viên HĐQT. Riêng Ban kiểm soát nhất trí số lượng là 03 thành viên, tại đại hội chỉ bầu 02 và sẽ bầu bổ sung 01 thành viên trong thời gian tới theo quy định.

- Đại hội giới thiệu Tổ bầu cử thực hiện chương trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019, Đại hội đã thông qua Quy chế bầu cử với tỷ lệ biểu quyết như sau: 100% cổ CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019**

- Đại hội đã biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Đại hội giới thiệu các ứng cử viên.

- Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết: 100% cổ CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**3. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019**

- Đại hội đã biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm của các thành viên Ban Kiểm soát.

- Đại hội giới thiệu các ứng cử viên. Riêng Ban kiểm soát nhất trí số lượng là 03 thành viên, tại đại hội chỉ bầu 02 và sẽ bầu bổ sung 01 thành viên trong thời gian tới theo quy định.

- Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết: 100% cổ CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

11. Thống nhất kết quả bầu sỏ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019, gồm:

	Tỷ lệ %
1. Đinh Ân	102,39
2. Nguyễn Đức Cảm	99,46
3. Nguyễn Quốc Quyền	97,88
4. Phạm Hữu Sơn	102,16
5. Võ Ngọc Thoại	97,46

12. Thống nhất kết quả bầu sỏ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019, gồm:

	Tỷ lệ %
1. Bá Bạch Thủy Tiên	100,26
2. Đinh Lê Ngọc Trâm	99,70

\* Thư ký Đại hội trình bày Nghị quyết Đại hội.

- Đại hội nhất trí 100% thông qua nội dung Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018.

Biên bản này được đọc lại trước Đại hội cổ đông thường niên 2018 và được thống nhất với các nội dung như trên.

Đại hội kết thúc lúc 14 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5 năm 2018.

## ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

ĐOÀN THƯ KÝ

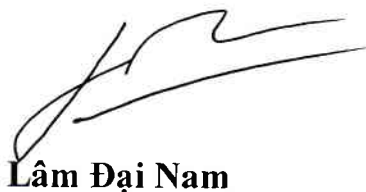


Nguyễn Hữu Hùng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng



Lâm Đại Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC

NINH THUẬN

Số: 139/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 5 năm 2018

## TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 127/NQ-HĐQT ngày 18/5/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh kiểm toán. (Đính kèm Báo cáo).

Đối với các chỉ tiêu cụ thể về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty: sau khi có kết luận chính thức của Đoàn Thanh tra liên ngành, nếu có thay đổi về các chỉ tiêu tài chính, Công ty đề nghị kiểm toán điều chỉnh Báo cáo tài chính và thông qua tại Đại hội cổ đông bất thường.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 129 ngày 21/5/2018)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**Tháng 3 năm 2018**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Hồng Châu	Giám đốc
Ông Đinh Việt Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cầm	Phó Giám đốc

#### *Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hồng Châu	Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



---

**Phạm Hồng Châu**  
**Giám đốc**

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Số: 027/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, các nhà thầu đã thực hiện hoàn thành việc di dời các tuyến ống cấp nước dọc quốc lộ 1A theo như các biên bản nghiệm thu ký giữa Công ty với nhà thầu trong tháng 09 năm 2015. Đến 31/12/2017, Công ty chưa ghi nhận giá trị việc di dời còn lại và công nợ còn phải trả cho các nhà thầu còn lại là 8.678.551.787 VND theo biên bản quyết toán công trình giữa công ty và các nhà thầu. Theo Ban Giám đốc Công ty thì giá trị còn phải trả trên đang chờ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Ninh Thuận cho ý kiến. Nếu thực hiện ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp thì công nợ phải trả cho nhà thầu sẽ tăng lên 8.678.551.787 VND và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng giá trị tương ứng. Theo các văn bản của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề di dời các tuyến ống nước dọc quốc lộ 1A thì nghĩa vụ công nợ trên cần được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2015. Chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu ghi nhận giá trị này từ năm 2015 (thời điểm nghiệm thu) đến các chỉ tiêu công nợ phải trả, hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do còn tùy thuộc vào chính sách phân bổ giá trị di dời này của Công ty từ năm 2015.

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,  
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (84-24) 3577 0781  
Fax: (84-24) 3577 0787

**Văn phòng Đồng Nai**

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



A blue signature of Nguyễn Ngọc Thạch.

---

**Nguyễn Đức Tiến**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

---

**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141.133.738.035</b>	<b>152.414.394.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.164.075.689</b>	<b>14.189.146.951</b>
1. Tiền	111	5	18.164.075.689	14.189.146.951
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>91.000.000.000</b>	<b>105.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	91.000.000.000	105.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.004.590.919</b>	<b>17.557.976.730</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.222.691.666	1.826.216.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		160.189.000	99.759.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.136.578.751	16.089.328.412
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(514.868.498)	(457.327.298)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>12.345.342.710</b>	<b>12.791.767.419</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.345.342.710	12.791.767.419
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.619.728.717</b>	<b>2.875.503.096</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	894.969.988	2.539.507.411
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	724.758.729	335.995.685
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>220.717.883.424</b>	<b>222.315.176.360</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>211.552.122.499</b>	<b>215.626.146.249</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	210.169.851.412	214.714.587.628
- Nguyên giá	222		427.921.693.390	412.914.575.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.751.841.978)	(198.199.988.022)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.382.271.087	911.558.621
- Nguyên giá	228		2.468.854.363	1.504.848.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.086.583.276)	(593.290.288)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.210.964.476</b>	<b>8.825.213</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.210.964.476	8.825.213
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.954.796.449</b>	<b>6.680.204.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.954.796.449	6.680.204.898
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>361.851.621.459</b>	<b>374.729.570.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>230.965.485.391</b>	<b>256.491.880.201</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.060.543.163</b>	<b>46.348.429.923</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	4.741.800.961	3.815.567.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.092.580	85.517.340
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	663.230.097	374.156.299
4. Phải trả người lao động	314		404.928.414	1.870.248.175
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.352.957.775	4.702.525.583
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.048.608.307	20.245.090.333
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.144.245.028	15.144.245.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		649.680.001	111.079.838
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>183.904.942.228</b>	<b>210.143.450.278</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	46.866.616.290	57.960.879.312
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	137.037.716.849	152.181.961.877
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>130.886.136.068</b>	<b>118.237.690.355</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>130.886.136.068</b>	<b>118.237.690.355</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	86.913.554.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	86.913.554.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.762.778.948	8.300.402.670
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.249.802.204	23.023.732.769
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		368.149.928	711.851.377
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.881.652.276	22.311.881.392
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>361.851.621.459</b>	<b>374.729.570.556</b>



**Phạm Hồng Châu**  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 3 năm 2018

**Nguyễn Thu Hòa**  
Kế toán trưởng

**Mai Thị Thanh Hương**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	129.628.321.912	125.022.578.927
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		129.628.321.912	125.022.578.927
3. Giá vốn hàng bán	11	21	85.810.878.900	80.031.889.754
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		43.817.443.012	44.990.689.173
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.913.378.908	7.465.861.822
6. Chi phí tài chính	22	24	9.863.372.175	10.815.058.821
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.863.372.175	10.815.058.821
7. Chi phí bán hàng	25	25	7.453.101.853	7.098.391.415
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.201.505.561	6.465.835.403
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.212.842.331	28.077.265.356
10. Thu nhập khác	31		124.929.283	968.031.729
11. Chi phí khác	32		1.152.318	1.067.860.780
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		123.776.965	(99.829.051)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.336.619.296	27.977.436.305
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.454.967.020	5.665.554.913
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.881.652.276	22.311.881.392
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.802	2.000



Phạm Hồng Châu  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.336.619.296	27.977.436.305
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.422.044.231	22.114.339.832
- Các khoản dự phòng	03	57.541.200	4.050.752
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.958.560.726)	(7.465.861.822)
- Chi phí lãi vay	06	9.863.372.175	10.815.058.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.721.016.176	53.445.023.888
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(891.010.096)	(674.397.784)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	446.424.709	(1.521.142.216)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.575.825.886)	(3.424.650.535)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.369.945.872	(2.666.579.244)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.947.918.837)	(10.787.822.566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.620.000.000)	(7.000.133.876)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.617.573.900)	(5.366.469.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.885.058.038	22.003.827.967
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(17.670.704.161)	(22.684.677.346)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	45.181.818	-
3. Tiền chi cho vay	23	(91.000.000.000)	(108.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	105.000.000.000	133.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.911.470.571	8.358.059.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.285.948.228	10.673.381.704
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.051.832.500)	(12.167.897.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.196.077.528)	(27.312.142.028)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.974.928.738	5.365.067.643
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.189.146.951	8.824.079.308
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	18.164.075.689	14.189.146.951



Phạm Hồng Châu  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hương  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được thành lập theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ ba theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 230 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 221 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

**Ngành nghề kinh doanh**

Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.

Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính như thuyết minh số 04.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 17
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 30
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.339.371.000	732.200.500
Tiền gửi ngân hàng	16.824.704.689	13.456.946.451
<b>Cộng</b>	<b><u>18.164.075.689</u></b>	<b><u>14.189.146.951</u></b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Ban Quản lý các công trình Hạ tầng TP. Phan Rang Tháp Chàm	77.770.734	77.770.734
Khách hàng dùng nước	2.042.739.506	1.640.015.636
Các đối tượng khác	102.181.426	108.430.246
<b>Cộng</b>	<b><u>2.222.691.666</u></b>	<b><u>1.826.216.616</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận	13.028.161.367	12.976.015.249
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	422.143.470	351.068.313
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.395.628.555	2.393.720.218
Tạm ứng	10.000.000	91.400.000
Phải thu khác	280.645.359	277.124.632
<b>Cộng</b>	<b><u>16.136.578.751</u></b>	<b><u>16.089.328.412</u></b>

**9. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng dùng nước	504.763.329	85.212.392	413.663.459	51.653.722
Các khách hàng khác	95.317.561	-	95.317.561	-
<b>Cộng</b>	<b><u>600.080.890</u></b>	<b><u>85.212.392</u></b>	<b><u>508.981.020</u></b>	<b><u>51.653.722</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.602.178.621	-	4.155.520.101	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	8.743.164.089	-	8.636.247.318	-
<b>Cộng</b>	<b>12.345.342.710</b>	<b>-</b>	<b>12.791.767.419</b>	<b>-</b>

(i) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến dự án thực hiện di dời tuyến ống cấp nước dọc quốc lộ 1A đã trả cho các nhà thầu là 4.448.000.000 VND (xem thuyết minh số 29).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	226.121.935	630.561.359
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	668.848.053	1.908.946.052
<b>Cộng</b>	<b>894.969.988</b>	<b>2.539.507.411</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí lát đặt, thay đồng hồ miễn phí	6.643.247.189	6.662.008.871
Chi phí trả trước dài hạn khác	311.549.260	18.196.027
<b>Cộng</b>	<b>6.954.796.449</b>	<b>6.680.204.898</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp	Số đầu năm
			trong năm VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	78.891.599	184.663.403	176.582.333	86.972.669
Thuế GTGT	363.285.155	232.192.822	464.003.956	131.474.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	282.581.975	2.454.967.020	2.620.000.000	117.548.995
<b>Cộng</b>	<b>724.758.729</b>	<b>2.871.823.245</b>	<b>3.260.586.289</b>	<b>335.995.685</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Các loại thuế khác	663.230.097	8.773.615.775	8.484.541.977	374.156.299
<b>Cộng</b>	<b>663.230.097</b>	<b>8.773.615.775</b>	<b>8.484.541.977</b>	<b>374.156.299</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>43.621.013.755</b>	<b>22.357.723.150</b>	<b>345.869.227.873</b>	<b>513.336.162</b>	<b>553.274.710</b>	<b>412.914.575.650</b>
- Mua trong năm	-	1.001.905.455	345.621.818	157.822.727	-	1.505.350.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.587.012.782	1.180.577.727	5.038.440.253	-	-	14.806.030.762
- Tăng khác (i)	-	-	9.960.000.000	-	-	9.960.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(170.000.000)	-	-	(170.000.000)
- Giảm khác (i)	-	-	(11.094.263.022)	-	-	(11.094.263.022)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.208.026.537</b>	<b>24.540.206.332</b>	<b>349.949.026.922</b>	<b>671.158.889</b>	<b>553.274.710</b>	<b>427.921.693.390</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>17.984.797.713</b>	<b>11.892.824.959</b>	<b>167.475.819.537</b>	<b>293.271.103</b>	<b>553.274.710</b>	<b>198.199.988.022</b>
- Khấu hao trong năm	2.683.570.625	2.462.904.302	18.690.996.074	91.280.242	-	23.928.751.243
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(170.000.000)	-	-	(170.000.000)
- Giảm khác (i)	-	-	(4.206.897.287)	-	-	(4.206.897.287)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.668.368.338</b>	<b>14.355.729.261</b>	<b>181.789.918.324</b>	<b>384.551.345</b>	<b>553.274.710</b>	<b>217.751.841.978</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>25.636.216.042</b>	<b>10.464.898.191</b>	<b>178.393.408.336</b>	<b>220.065.059</b>	<b>-</b>	<b>214.714.587.628</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>31.539.658.199</b>	<b>10.184.477.071</b>	<b>168.159.108.598</b>	<b>286.607.544</b>	<b>-</b>	<b>210.169.851.412</b>

- (i) Theo Công văn số 282/STC-TCĐN ngày 10/02/2017 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thực hiện theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty ghi giảm 4 tài sản cố định với nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế lần lượt là 11.094.263.022 VND và 4.206.897.287 VND tương ứng với nguồn là khoản nợ phải trả. Giá trị khấu hao lũy kế, Công ty thực hiện nộp toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

Đồng thời, Công ty được ghi nhận tăng tài sản trên theo giá trị đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt bán đấu giá cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận với số tiền chưa thuế là 9.960.000.000 VND. Khoản Công nợ phải trả tương ứng với giá trị tài sản này, sẽ được hoán đổi nợ tăng vốn của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận (xem thuyết minh số 19).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 76.426.694.102 VND (tại ngày 31/12/2016 là 74.076.528.163 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>TSCĐ vô hình khác</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	1.290.048.000	214.800.909	1.504.848.909
- Mua trong năm	630.260.000	333.745.454	964.005.454
Số dư cuối năm	<u>1.920.308.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.468.854.363</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	412.954.133	180.336.155	593.290.288
- Khấu hao trong năm	445.023.678	48.269.310	493.292.988
Số dư cuối năm	<u>857.977.811</u>	<u>228.605.465</u>	<u>1.086.583.276</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>877.093.867</u>	<u>34.464.754</u>	<u>911.558.621</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.062.330.189</u>	<u>319.940.898</u>	<u>1.382.271.087</u>

Giá trị tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 279.000.000 VND (tại ngày 31/12/2016 là 62.000.000 VND).

**15. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty	1.301.024.477	-
Mua máy xử lý bùn nhà máy nước Tháp Chàm	631.700.000	-
Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết	278.239.999	-
Các công trình khác	-	8.825.213
<b>Cộng</b>	<u>2.210.964.476</u>	<u>8.825.213</u>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả nợ</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả nợ</u> VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.575.000.000	1.575.000.000	-	-
Công ty CP Kỹ thuật ENVIRO	-	-	2.188.041.600	2.188.041.600
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Kỹ thuật Việt	921.039.200	921.039.200	-	-
Công ty CP Thiết bị và Công nghệ ECO Việt Nam	601.250.300	601.250.300	-	-
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Đô thị Việt	516.945.000	516.945.000	-	-
Các đối tượng khác	1.127.566.461	1.127.566.461	1.627.525.727	1.627.525.727
<b>Cộng</b>	<u>4.741.800.961</u>	<u>4.741.800.961</u>	<u>3.815.567.327</u>	<u>3.815.567.327</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt	384.398.639	312.682.082
Phí môi trường rừng	209.843.060	144.269.040
Phải trả cổ tức	36.645.433	51.445.433
Quỹ lương điều hòa	374.749.800	225.666.800
Khoản đền bù di dời các tuyến ống nước (i)	19.644.081.680	19.393.043.527
Các khoản phải trả khác	398.889.695	117.983.451
<b>Cộng</b>	<b>21.048.608.307</b>	<b>20.245.090.333</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	46.866.616.290	46.866.616.290
Ban Quản lý các công trình hạ tầng huyện Ninh Phước	-	3.936.819.842
Ban Quản lý các dự án xây dựng hạ tầng đô thị	-	208.830.582
Ủy ban Nhân dân huyện Thuận Nam	-	3.563.543.615
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	-	3.385.068.983
<b>Cộng</b>	<b>46.866.616.290</b>	<b>57.960.879.312</b>

(i) Trong đó bao gồm:

- Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc quốc lộ 1A với số tiền 4.480.000.000 VND theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận (xem thuyết minh số 29).
- Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 6.321.000.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận (xem thuyết minh số 31).
- Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời của các dự án khác với số tiền 8.843.081.680 VND, hiện tại các dự án này vẫn đang tiếp tục thực hiện.

(ii) Đây là tổng giá trị tài sản của Hệ thống cấp nước Cà Ná, Công ty khai thác và vận hành theo hồ sơ quyết toán lần cuối ngày 27/6/2014. Hiện nay hồ sơ quyết toán dự án này đang được trình Sở Tài chính phê duyệt. Ban giám đốc đánh giá rằng không có một sự kiện nào thể hiện rằng Công ty phải trả khoản này trong vòng 12 tháng tới nên khoản này được phân loại là khoản phải trả khác dài hạn.

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>				<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>137.037.716.849</b>	<b>137.037.716.849</b>	-	<b>15.144.245.028</b>	<b>152.181.961.877</b>	<b>152.181.961.877</b>
Nguồn vốn ADB	127.642.902.752	127.642.902.752	-	13.436.095.028	141.078.997.780	141.078.997.780
Nguồn vốn AFD	9.394.814.097	9.394.814.097	-	1.708.150.000	11.102.964.097	11.102.964.097

Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo Hợp đồng Tin dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/ năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/05 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	76.460.736.737	91.604.981.765
	<b>152.181.961.877</b>	<b>167.326.206.905</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.144.245.028	15.144.245.028
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>137.037.716.849</b>	<b>152.181.961.877</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư</u>	<u>Thặng dư vốn</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận</u>	<u>Đơn vị: VND</u>
	của chủ sở hữu	cổ phần	phát triển	chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	<b>86.913.554.916</b>	-	<b>4.028.647.795</b>	<b>21.785.585.246</b>	<b>112.727.787.957</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.311.881.392	22.311.881.392
Trích quỹ	-	-	4.271.754.875	(8.905.836.869)	(4.634.081.994)
Trả cổ tức	-	-	-	(12.167.897.000)	(12.167.897.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>86.913.554.916</b>	-	<b>8.300.402.670</b>	<b>23.023.732.769</b>	<b>118.237.690.355</b>
Tăng vốn (i)	7.994.860.000	1.965.140.000	-	-	9.960.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.881.652.276	20.881.652.276
Trích quỹ (ii)	-	-	4.462.376.278	(9.618.550.341)	(5.156.174.063)
Trả cổ tức	-	-	-	(13.037.032.500)	(13.037.032.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>12.762.778.948</b>	<b>21.249.802.204</b>	<b>130.886.136.068</b>

(i) Theo Nghị quyết số 79/NQĐHCD ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2017 của Công ty, Công ty đã thực hiện phát hành 799.486 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ (xem thuyết minh số 12) cho cổ đông hiện hữu là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận với giá phát hành 12.458 VND/cổ phiếu. Công ty đã thực hiện hoàn thành đợt phát hành hoán đổi nợ để tăng vốn vào ngày 18 tháng 10 năm 2017.

(ii) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 57/NQĐHCD ngày 15 tháng 5 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển 4.462.376.278 VND, quỹ khen thưởng 3.432.488.115 VND, quỹ phúc lợi 1.492.355.918 VND, quỹ thưởng của viên chức quản lý 231.330.030 VND, chi cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 13.037.032.500 VND (cổ tức trên mỗi cổ phần là 1.500 VND/cổ phần)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	81.635.554.916	93,93%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	5.278.000.000	6,07%
- Do pháp nhân nắm giữ	41.229.860.000	43,44%	1.005.000.000	1,16%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	-	-
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,15%
+ Đối tượng khác	5.000.000	0,01%	5.000.000	0,01%
- Do thể nhân nắm giữ	4.273.000.000	4,50%	4.273.000.000	4,91%
<b>Cộng</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>	<b>86.913.554.916</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	8.691.355
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	8.691.355

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước (i)	125.286.649.757	120.686.455.844
Doanh thu lắp đặt ống nước	4.341.672.155	4.336.123.083
<b>Cộng</b>	<b>129.628.321.912</b>	<b>125.022.578.927</b>

(i) Trong đó, doanh thu của Hệ thống cấp nước Sơn Hải là 304.795.003 VND. Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận giao quản lý, vận hành hệ thống cấp nước Sơn Hải theo công văn số 2144/UBND-QHXD ngày 07/6/2017 và 3015/UBND-QHXD ngày 27/7/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và công văn số 1951/STC-TCĐN ngày 20/7/2017 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận. Theo đó Công ty thực hiện lấy doanh thu từ khai thác hệ thống để bù các chi phí, sau khi cân đối thực thu – chi, trường hợp thu không đủ chi, Công ty sẽ báo Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận để giải quyết.

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	82.940.774.075	75.007.799.582
Giá vốn lắp đặt ống nước	2.870.104.825	5.024.090.172
<b>Cộng</b>	<b>85.810.878.900</b>	<b>80.031.889.754</b>

(i) Trong đó giá vốn của Hệ thống cấp nước Sơn Hải là 320.297.079 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.351.152.572	41.581.338.405
Chi phí nhân công	24.101.097.086	23.921.783.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.422.044.231	21.091.763.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.954.395.018	4.235.280.796
Chi phí khác bằng tiền	5.743.714.178	3.377.516.935
<b>Cộng</b>	<b><u>103.572.403.085</u></b>	<b><u>94.207.683.038</u></b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.913.378.908	7.465.861.822
<b>Cộng</b>	<b><u>6.913.378.908</u></b>	<b><u>7.465.861.822</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.863.372.175	10.815.058.821
<b>Cộng</b>	<b><u>9.863.372.175</u></b>	<b><u>10.815.058.821</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.382.783.579	2.422.916.743
Chi phí vật liệu, bao bì (i)	5.070.318.274	4.675.474.672
<b>Cộng</b>	<b><u>7.453.101.853</u></b>	<b><u>7.098.391.415</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.194.635.424	1.440.879.840
Chi phí vật liệu quản lý (i)	368.319.625	334.909.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	998.957.558	498.345.957
Thuế, phí và lệ phí	1.659.054.728	657.916.718
Chi phí dự phòng	57.541.200	4.050.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.983.865.687	934.527.031
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.939.131.339	2.595.205.281
<b>Cộng</b>	<b><u>10.201.505.561</u></b>	<b><u>6.465.835.403</u></b>

(i) Trong đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Hệ thống cấp nước Sơn Hải lần lượt là 1.514.880 VND và 3.384.575 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>23.336.619.296</b>	<b>27.977.436.305</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	299.900.026	618.123.255
Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	-	(1.363.160.745)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>23.636.519.322</b>	<b>27.232.398.815</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>23.636.519.322</b>	<b>27.232.398.815</b>
Thu nhập chịu thuế suất 10%	22.723.368.442	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	913.150.880	27.232.398.815
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.454.967.020</b>	<b>5.446.479.763</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	219.075.150
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.454.967.020</b>	<b>5.665.554.913</b>

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa, mức thuế suất này được công ty áp dụng từ ngày 01/01/2017.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.881.652.276	22.311.881.392
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.925.000.000)	(4.924.844.033)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.956.652.276	17.387.037.359
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	8.855.633	8.691.355
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.802</b>	<b>2.000</b>

Số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay là số tạm tính theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018 của Công ty quyết định chính thức.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**29. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN**

Các nhà thầu đã thực hiện hoàn thành việc di dời các tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường quốc lộ 1A theo như các biên bản nghiệm thu hoàn thành trong tháng 09 năm 2015, tuy nhiên cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa ghi nhận giá trị tài sản tuyến ống cấp nước cũng như công nợ tương ứng còn phải trả cho nhà thầu, do đến năm 2018 Công ty và các nhà thầu mới thực hiện quyết toán công trình này. Ban Giám đốc của Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với cơ quan có thẩm quyền về việc thống nhất nguồn kinh phí cho việc di dời này. Căn cứ theo hồ sơ quyết toán giữa Công ty với các nhà thầu, giá trị quyết toán của công trình này là 13.126.551.787 VND, Công ty đã thanh toán cho các nhà thầu 4.448.000.000 VND (xem thuyết minh số 10), số còn phải trả cho các nhà thầu theo biên bản quyết toán công trình là 8.678.551.787 VND, giá trị còn phải trả trên đang chờ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Ninh Thuận cho ý kiến.

**30. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty được hỗ trợ kinh phí di dời chi phí xây dựng tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường quốc lộ 1A với số tiền là 15.104.395.321 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty mới nhận được 4.480.000.000 VND hỗ trợ (xem thuyết minh số 17). Tuy nhiên, theo Công văn số 2208/V PUB-TCD ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và công văn số 534/UBND-QHXH ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì Công ty phải tự bố trí kinh phí di dời hệ thống tuyến ống này, nguồn phí hỗ trợ còn lại là 10.624.395.321 VND sẽ không được hỗ trợ.

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết hỗ trợ kinh phí**

Theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt kinh phí di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận), Công ty được phê duyệt hỗ trợ kinh phí di dời là 12.463.420.607 VND. Đến ngày 31/12/2017 Công ty đã nhận được 6.321.000.000 VND (xem thuyết minh số 17).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	152.181.961.877	167.326.206.905
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(18.164.075.689)	(14.189.146.951)
Nợ thuần	134.017.886.188	153.137.059.954
Vốn chủ sở hữu	130.884.114.778	118.237.690.355
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,02</b>	<b>1,30</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.164.075.689	14.189.146.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.412.258.449	17.015.749.417
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.000.000.000	105.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.576.334.138</b>	<b>136.204.896.368</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	152.181.961.877	167.326.206.905
Phải trả người bán và phải trả khác	72.656.793.655	82.021.305.069
Chi phí phải trả	4.352.957.775	4.702.525.583
<b>Tổng cộng</b>	<b>229.191.713.307</b>	<b>254.050.037.557</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Các khoản vay của Công ty là các khoản vốn vay ODA với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.164.075.689	-	-	18.164.075.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.412.258.449	-	-	17.412.258.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.000.000.000	-	-	91.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.576.334.138</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>126.576.334.138</b>
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	76.460.736.737	152.181.961.877
Phải trả người bán và phải trả khác	25.790.177.365	46.866.616.290	-	72.656.793.655
Chi phí phải trả	4.352.957.775	-	-	4.352.957.775
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.287.380.168</b>	<b>107.443.596.402</b>	<b>76.460.736.737</b>	<b>229.191.713.307</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>81.288.953.970</b>	<b>(107.443.596.402)</b>	<b>(76.460.736.737)</b>	<b>(102.615.379.169)</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.189.146.951	-	-	14.189.146.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.015.749.417	-	-	17.015.749.417
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.204.896.368</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.204.896.368</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	91.604.981.765	167.326.206.905
Phải trả người bán và phải trả khác	24.060.425.757	57.960.879.312	-	82.021.305.069
Chi phí phải trả	4.702.525.583	-	-	4.702.525.583
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.907.196.368</b>	<b>118.537.859.424</b>	<b>91.604.981.765</b>	<b>254.050.037.557</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>92.297.700.000</b>	<b>(118.537.859.424)</b>	<b>(91.604.981.765)</b>	<b>(117.845.141.189)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin rằng Công ty có thể tạo được luồng tiền phù hợp để thanh toán các nghĩa vụ nợ khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Công ty TNHH XD và TM Sơn Long Thuận</b>		
Mua tài sản cố định	9.960.000.000	-
Phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ	9.960.000.000	-

***Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát***

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.338.955.896	1.005.312.800
Thù lao, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị	283.255.300	182.075.600
Thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát	201.581.500	147.546.400
	<u>1.823.792.696</u>	<u>1.334.934.800</u>



Phạm Hồng Châu  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hương  
Người lập biểu





Số: 125/BC-HĐQT

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 04 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn và chào mừng các cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã về dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. Tiếp theo xin báo cáo tới Đại hội tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

#### **I. ĐẠT ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn như: thời tiết diễn biến phức tạp, lượng mưa nhiều hơn các năm trước nên sản lượng nước ghi thu thấp, không đạt kế hoạch đề ra; và phát sinh một số chi phí lớn đột biến làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty... Vì vậy, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh không đạt so với kế hoạch đề ra.

Công ty đã đầu tư và mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đã tạo điều kiện cho Công ty tăng được năng lực cấp nước, mở rộng vùng phục vụ.

- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Phan Rang;
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Tháp Chàm,
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Ninh Hải;
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Ninh Phước;
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Thuận Nam;
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu vực Ninh Sơn;
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Đường 702, huyện Ninh Hải;
- + Công trình Nhà máy nước Tháp Chàm - Hạng mục: Thay bơm trạm bơm cấp 1 (năm 2016);
- + Công trình Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- + Công trình Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết;
- + Công trình Sửa chữa trạm giao dịch Ninh Hải;
- + Công trình Cải tạo, Sửa chữa Bể chứa nước sạch 1.200m<sup>3</sup>; phòng hóa nghiệm; phòng chứa rác thải nguy hại Nhà máy nước Tháp Chàm;

+ Dự án Cải tạo công nghệ lắng nước và xả bùn bể lắng Nhà máy nước Tháp Chàm (giai đoạn 3);

+ Công trình Mua máy xử lý bùn Nhà máy nước Tháp Chàm.

- Đối với các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước: người dân sinh sống trong khu vực thực hiện dự án được sử dụng nguồn nước sinh hoạt an toàn hợp vệ sinh và các nguồn lợi khác.

- Đối với các dự án cải tạo, sửa chữa Nhà máy xử lý nước:

+ Đảm bảo nhiệm vụ sản xuất của nhà máy theo công suất thiết kế;

+ Giảm chi phí vận hành;

+ Tăng công suất nhà máy;

+ Đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt ngày càng tăng; ngoài ra, có cơ hội mở rộng hệ thống mà không cần phải xây dựng thêm nhà máy.

- Cải tạo, xây mới các hạng mục thuộc Nhà máy: Để tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân cần giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận một cách thuận tiện và đỡ tốn thời gian; đồng thời, giảm tải công việc cho bộ phận chuyên trách kinh doanh của Công ty.

Các hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động ổn định. Nhu cầu dùng nước của khách hàng ngày càng tăng. Ý thức chấp hành Hợp đồng dịch vụ cấp nước của khách hàng tương đối tốt tạo thuận lợi cho công tác quản lý của Công ty.

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TÀI CHÍNH:

Năm 2017 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt một số chỉ tiêu. Các số liệu về kết quả tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Năm 2017:

	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
<b>Vốn điều lệ</b>		94.908	94.908	100,00
<b>Sản lượng nước tiêu thụ</b>		16.443.000	15.807.857	96,13
<b>Tổng doanh thu</b>		139.034	136.362	98,07
<b>Lợi nhuận (trước thuế)</b>		28.500	23.355	81,95
<b>Thực nộp ngân sách NN</b>		9.047	10.442	115,41

Năm 2017 sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận và dự kiến sẽ chia cổ tức cho các cổ đông như sau:

- Mức chi trả cổ tức phân lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của năm 2017 là 11,5%/ cổ phần, tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần.

- Dự kiến ngày chốt danh sách chia cổ tức năm 2017 là ngày 28/5/2018.  
Ngày nhận cổ tức: bắt đầu từ ngày 28/6/2018.

### **III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

#### **1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị:**

Trong năm, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 15/5/2017 và Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 25/8/2017, tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch năm mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt, phát triển sản xuất kinh doanh đạt yêu cầu, mở thêm nhiều vùng phục vụ mới, nhiều hộ khách hàng được dùng nước sạch.

Tóm lại, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định, hiệu quả công việc đạt yêu cầu.

Năm 2017 Hội đồng quản trị đã họp 30 phiên, ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến hoạt động Công ty:

1. Thống nhất tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2017 vào ngày 15/5/2017 tại khu hội nghị Long Thuận, phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang – Tháp Chàm.

2. Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán tại Tờ trình số 133/TTr-CNNT ngày 25/4/2017.

3. Thống nhất nội dung Tờ trình số 134/TTr-CNNT ngày 25/4/2017 về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

4. Thống nhất nội dung Tờ trình số 135/TTr-CNNT ngày 25/4/2017 về việc Quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2016 và kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017.

5. Thống nhất nội dung Tờ trình số 136/TTr-CNNT ngày 25/4/2017 về việc Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016. Cụ thể:

- Mức chi trả cổ tức phần lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của năm 2016 là 15%/ cổ phần, tính trên tổng mệnh giá 8.691.355 cổ phần.

- Dự kiến ngày chốt danh sách chia cổ tức năm 2016 là ngày 5/6/2017.

- Ngày nhận cổ tức: bắt đầu từ ngày 6/7/2017.

6. Thống nhất nội dung Tờ trình số 137/TTr-CNNT ngày 25/4/2017 về việc Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng cơ bản – tài chính năm 2017.

\* Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Thời gian họp: 14h, ngày 21/8/2017 (thứ Hai).

2. Địa điểm họp: Khu hội nghị Long Thuận, phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3. Cổ đông tham dự theo danh sách đã chốt ngày 19/7/2017.

4. Nội dung: Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu để hoán đổi nợ
- Giá cổ phiếu phát hành để hoán đổi: 12.281 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu: 811.008 cổ phiếu
- Đối tượng phát hành cổ phiếu để hoán đổi: Công ty TNHH TM & Xây dựng Sơn Long Thuận
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong quý 3&4/2017

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị diễn ra đúng thời gian theo quy định, thể hiện quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty, phản ánh đầy đủ các yêu cầu đối với SXKD của Công ty.

## **2. Hoạt động giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:**

Giám Đốc công ty là thành viên Hội đồng quản trị nên mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết ban hành đều có Giám đốc tham gia, việc triển khai thực hiện Nghị quyết được thuận lợi. Giám Đốc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty:

Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nên một số chỉ tiêu: sản lượng nước, doanh thu, lợi nhuận, chưa đạt kế hoạch đề ra.

Về hoạt động giám sát: Hàng quý Hội đồng quản trị họp thường kỳ nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị thảo luận và góp ý kiến chỉ đạo.

Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát tình hình hoạt động của Công ty. Tham gia họp với Ban Giám đốc, phòng ban và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng như xây dựng giá nước, kế hoạch đầu tư mở rộng mạng ống phân phối, cải tạo tăng năng lực sản xuất nước của các nhà máy nước các khu vực, bàn thảo các chủ trương đầu tư thực hiện dự án...

Các văn bản liên quan gửi từ Công ty đi và từ đơn vị khác đến, Công ty đều gửi Hội đồng quản trị, từ đó nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc triển khai đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay: Ban giám đốc gồm 01 Giám đốc có 5 phòng, 3 nhà máy, 1 Đội xây lắp, tất cả các trưởng đơn vị trực thuộc đều do





Số: 14 /BC-BKS

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 4 năm 2018



## BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017,  
phương hướng nhiệm vụ năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua ngày 25/8/2017;

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO và kết quả kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát theo chức năng và nhiệm vụ đã quy định trong Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2017 như sau:

### A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

#### 1. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2017

##### 1. Cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát làm công tác kiêm nhiệm gồm:

- Ông Trần Hồng Phương                      Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lê Văn Hải                              Thành viên
- Ông Phạm Hữu Sơn                          Thành viên

##### 2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2017, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính.

Một số hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2017, cụ thể:

- Tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin (E-Mail, điện thoại...) để hoạt động được kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao: giám sát việc tuân thủ Pháp luật, điều lệ Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư xây dựng cơ bản; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận; đánh giá xếp loại doanh nghiệp và người quản lý...

- Thẩm định tiền lương kế hoạch, tiền lương thực hiện của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo đúng quy định; kết quả thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017, cụ thể:

+ Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động:	17.395.582.011 đồng
+ Quỹ tiền lương thực hiện của người QL chuyên trách:	1.194.635.424 đồng
+ Quỹ thù lao thực hiện của HĐQT, BKS không chuyên trách:	339.730.800 đồng

**Tổng cộng: 18.929.948.235 đồng**

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị về định hướng, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

## II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

### 1. Thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh năm 2017 thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/5/2017.

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn như: lượng mưa nhiều nên sản lượng nước giảm; nguồn nước mặt đầu vào không ổn định về chất lượng, có độ đục cao dẫn đến phải xử lý hóa chất vượt định mức; các chi phí khác tăng (nước thô, điện, hóa chất); giá nước thực hiện trong năm đến tháng 8/2017 mới được phê duyệt; phát sinh tiền thuê đất phải nộp từ năm 2012 và trợ cấp thôi việc cho người lao động... Vì vậy, nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh không đạt so với kế hoạch.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2017 thực hiện cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh KH 2017 %	So sánh TH 2016 %
1	Vốn điều lệ	đồng	86.913.554.916	94.908.414.916	94.908.414.916	100,00	109,20
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	15.660.308	16.443.000	15.807.857	96,14	100,94
3	Phát triển khách hàng	hộ	5.036	4.500	4.424	98,31	87,85
4	Tỷ lệ thất thoát	%	21	21	20	-1	-1
5	Doanh thu hoạt động cấp nước	đồng	120.686.455.844	130.374.000.000	125.286.649.757	96,10	103,81
6	Doanh thu lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt	đồng	4.336.123.083	4.000.000.000	4.341.672.155	108,54	100,13
7	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	7.465.861.822	4.611.000.000	6.913.378.908	149,93	92,60
8	Thu nhập khác	đồng	968.031.729	50.000.000	124.929.283	249,86	12,90
9	Lợi nhuận trước thuế	đồng	27.977.436.305	28.500.000.000	23.334.365.010	81,87	83,40
10	Lợi nhuận sau thuế	đồng	22.311.881.392	22.800.000.000	20.881.652.276	91,60	93,60
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	25,67	24,02	22,00	91,60	85,70

- Công ty chú trọng công tác quản lý vận hành, cải tạo, sửa chữa thay thế các tuyến ống mục, phân vùng tách mạng nhằm đảm bảo áp lực nước trong toàn hệ thống mạng, ứng dụng công nghệ mới chống thất thoát như: Hệ thống quản lý SCADA kiểm soát mạng lưới đường ống nước; triển khai phần mềm ứng dụng GIS trong quản lý mạng lưới cấp nước toàn Công ty. Tích cực trong công tác rà soát kiểm tra những điểm

rõ ràng khắc phục kịp thời nhằm góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước theo đúng kế hoạch đề ra.

- Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2017 tăng 3.8% so với năm 2016. Đây là kết quả đầu tư xây dựng cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, phát triển mạng lưới cấp nước. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu hoạt động cung cấp nước luôn chiếm tỷ lớn do đây là hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, có phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định đảm bảo không ảnh hưởng đột biến đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Các chế độ phúc lợi, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng theo quy định, thu nhập của người lao động ổn định bình quân 5.8 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tổng số nộp ngân sách của Công ty trong năm 2017 là 12,28 tỷ đồng.

## **2. Công tác đầu tư phát triển, xây lắp**

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai công tác đầu tư mở mạng hệ thống cấp nước mới, cải tạo hoàn thiện nâng cấp các Nhà máy nước hoạt động có hiệu quả như:

- Mở mạng các tuyến ống mới: Thi công lắp đặt 07 công trình hệ thống cấp nước khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn và tuyến đường 702.

- Các công trình, cải tạo xây dựng:

+ Cải tạo, sửa chữa tạo giao dịch Ninh Hải.

+ Cải tạo, sửa chữa bể chức nước sạch 1.200m<sup>3</sup>; phòng hóa nghiệm; phòng chứa rác thải nguy hại thuộc Nhà máy nước Tháp Chàm.

- Các dự án đang triển khai, dự kiến hoàn thành trong năm 2018:

+ Dự án cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

+ Dự án Nhà máy sản xuất nước lọc tinh khiết.

- Các hạng mục khác:

+ Đầu tư 12 điểm SCADA giám sát lưu lượng, áp lực nước trên địa bàn Thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

+ Mua máy xử lý bùn, cải tạo công nghệ lắng nước và xả bùn bể lắng.

## **III. Giám sát tình hình tài chính năm 2017**

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính và thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị được Bộ Tài chính chấp thuận.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại thời điểm 31/12/2017.

- Công ty đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán Việt Nam.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ theo đúng quy định, sắp xếp gọn gàng, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

### **III. Công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**

#### **1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Các phiên họp được tiến hành đúng theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành 30 nghị quyết:

+ Tạm ứng lương, thù lao cho viên chức quản lý năm 2017;

+ Đầu tư xây dựng các công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực: Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn, đường 702;

+ Thống nhất tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý năm 2016;

+ Thống nhất các nội dung liên quan đến đại hội Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước năm 2017;

+ Thống nhất về việc ký biên bản thỏa thuận góp vốn với nhà đầu tư;

+ Thống nhất kế hoạch tuyển dụng năm 2017;

+ Thống nhất lực chọn phương thức mua số cổ phần còn lại thuộc phần vốn nhà nước và tăng vốn điều lệ;

+ Nhất trí phương án xây dựng cơ sở sản xuất nước tinh khiết và cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty;

+ Tạm ứng trích quỹ khen thưởng chi cho người lao động và người quản lý;

+ Thống nhất áp dụng giá nước ưu đãi cho đối tượng khách hàng sử dụng nước sản xuất kinh doanh khối lượng lớn;

+ Thống nhất thuê đơn vị kiểm toán công trình di dời tuyến ống cấp nước thuộc Dự án Quốc lộ I các đoạn qua tỉnh Ninh Thuận;

+ Thống nhất nội dung về phương thức và giá trị thanh lý xe du lịch Mazda 323, loại 04 chỗ.

- Chỉ đạo công tác quản lý và nhân sự: giải quyết tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch đề ra.

#### **2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc**

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động,



phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

- Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2017, Công ty đã thành lập 01 Tổ giao dịch Cà Ná thuộc Nhà máy nước Phước Dân; Bổ nhiệm và bổ sung cán bộ quản lý cho các đơn vị còn thiếu (01 Phó phòng Kế hoạch Kỹ thuật, 01 phó Giám đốc Nhà máy nước Phước Dân, 01 Đội phó Đội xây lắp) nhằm đáp ứng với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và những năm tiếp theo.

+ Tổng số cán bộ công nhân đến 31/12/2017 là 226 người. Công ty thường xuyên rà soát các đầu mối quản lý, sắp xếp lại lao động, sử dụng lao động phù hợp. Kế hoạch tuyển dụng năm 2017 là 10 người, nhưng Công ty hạn chế tuyển dụng chỉ tuyển 05 người; tiết kiệm được 05 người so với kế hoạch góp phần tăng năng suất lao động.

- Công ty đã xây dựng, ban hành và rà soát các quy định, quy chế phù hợp nhằm chủ động trong công tác điều hành, công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng cho các Sở, ban ngành theo đúng quy định.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ quản lý và sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả: Hoàn thành hệ thống SCADA các điểm giám sát hệ thống cấp nước trên địa bàn thành phố Phan Rang Tháp Chàm; hoàn thiện hệ thống mạng GIS quản lý cấp nước cho 03 khu vực (Phan Rang-Tháp Chàm-Ninh Hải); hoàn thiện phần mềm chương trình (phần mềm quản lý hóa đơn tiền nước, quản lý khách hàng và ứng dụng thu tiền nước qua ngân hàng; phần mềm quản trị nhân sự, lao động tiền lương).

- Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015.

- Hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm (từ 72.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 82.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm), nâng công suất của toàn Công ty lên 90.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Dự án đã đi vào hoạt động đảm bảo cung cấp nước hiện tại và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hóa đơn tiền nước điện tử, tiến tới thu tiền nước tại các điểm giao dịch, thu qua ngân hàng.

- Công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất việc đối chiếu doanh thu tiền nước giữa phòng Kinh doanh và phòng Kế toán Tài vụ kịp thời.

- Chế độ thông tin báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng đúng theo quy định, đảm bảo minh bạch tình hình hoạt động của Công ty.

- Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Phong trào thi đua khen thưởng: phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được Công ty quan tâm. Có những đề xuất các giải pháp hữu ích nhằm tăng năng suất, giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, giảm ô nhiễm môi trường, cải thiện điều kiện làm việc....

Trong năm 2017 kết quả như sau: Công ty có 03/05 sáng kiến được công nhận và khen thưởng, nhiều sáng kiến được đánh giá cao, đã mang lại lợi ích cho Công ty.

### 3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty.

Trong năm qua Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát; các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự.

### 4. Tình hình thoái vốn tại Công ty

Thực hiện Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (UBND) về phê duyệt giá khởi điểm cổ phần và phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

- Ngày 20/4/2017, UBND chuyển nhượng cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sơn Long Thuận với tổng số cổ phần là 2.172.800 cổ phần; giá chuyển nhượng là 13.900 đồng/cổ phần; Tổng số tiền thu về là 30.190.800.000 đồng.

- Ngày 15/5/2017, UBND chuyển nhượng cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sơn Long Thuận với tổng số cổ phần là 1.050.200 cổ phần; giá chuyển nhượng là 13.700 đồng/cổ phần; Tổng số tiền thu về là 14.387.740.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện phát hành riêng lẻ cổ phiếu để hoán đổi nợ cho nhà đầu tư là Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sơn Long Thuận, với giá cổ phần hoán đổi là 12.458 đồng/cổ phần; Tổng giá trị tài sản hoán đổi là 9.960.000.000 đồng, tương ứng 799.486 cổ phần. Tăng vốn điều lệ từ 86.913.554.916 đồng lên 94.908.414.916 đồng.

Đến ngày 31/12/2017, tỷ lệ vốn cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Nhà đầu tư	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Vốn của nhà nước (UBND)	49.405.554.916	52.06%
2	Công ty TNHH TM và xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42.38%
3	Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1.05%
4	Các đối tượng khác	4.273.000.000	4.51%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>

## **5. Các công tác khác**

- Ngày 06/7/2017, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 là 15% (tương ứng 1.500 đồng/1 cổ phần) theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/6/2017, cụ thể:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nắm giữ 4.940.555 cổ phần, tương ứng với số tiền là 7.410.832.500 đồng.

+ Công ty TNHH TM và xây dựng Sơn Long Thuận nắm giữ 3.223.000 cổ phần, tương ứng với số tiền là 4.834.500.000 đồng.

+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải nắm giữ 100.000 cổ phần, tương ứng với số tiền 150.000.000 đồng.

+ Các cổ đông thể nhân khác nắm giữ 427.800 cổ phần, tương ứng với số tiền 641.700.000 đồng.

- Các quy trình hoạt động của Công ty đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật:

- Ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng kịp thời; giải quyết các chế độ phúc lợi khác cho người lao động theo đúng quy chế.

- Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của nhà nước.

## **IV. Nhận xét và kiến nghị**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Năm 2017, công tác tổ chức sắp xếp bộ máy nhân sự phù hợp, hạn chế tuyển dụng, năng suất lao động tăng.

- Công ty quan tâm hơn nữa trong công tác chống thất thoát, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước theo đúng lộ trình, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và tổ chức đoàn thể; tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Đề nghị Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; xác định quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện năm, đúng thời gian quy định.

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018**

1. Cơ cấu lại Ban kiểm soát theo Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách.

2. Tổ chức họp định kỳ và bất thường (khi cần thiết).

3. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị.

4. Thẩm định các báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, kế hoạch và thực hiện tiền lương, thù lao năm 2018:

5. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của công ty: việc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.

6. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

7. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

8. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban Giám đốc Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của đơn vị kiểm toán:

9. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

### ***Nơi nhận:***

- Như kính gửi (báo cáo);
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các TV Ban kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký C.ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Trần Hồng Phương**

## TỜ TRÌNH

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Quyết định 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;
- Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 127/NQ-HĐQT ngày 18/5/2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

1/ Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

2/ Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Hội đồng quản trị đề xuất 02 đơn vị kiểm toán có uy tín sau để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Ngoài ra, để thực hiện nguyên tắc mức phí kiểm toán phù hợp, cạnh tranh, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập nêu trên theo phương thức chào giá cạnh tranh và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công



ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

## TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2017 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thống nhất nội dung Tờ trình số 47/TTr-CNNT ngày 12/02/2018 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc xác định quỹ tiền lương, quỹ thù lao thực hiện của người quản lý, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017;

- Căn cứ Biên bản họp ngày 14/3/2018 của Hội đồng thẩm định quỹ tiền lương, đơn giá tiền lương tỉnh Ninh Thuận về việc xét duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 138/NQ-HĐQT ngày 28/5/2018;

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc quyết toán mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 cụ thể như sau:

#### 1/ Quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017:

##### Hội đồng quản trị:

+ Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 68.732.400 đồng

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 117.825.600 đồng

##### Ban kiểm soát:

+ Thù lao Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 58.912.800 đồng

+ Thù lao Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 94.260.000 đồng

**Tổng cộng: 339.730.800 đồng**

Bằng chữ: *Ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng.*

**2/ Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:**

**2.1 Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/05/2018:**

**Hội đồng quản trị:**

+ Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 33.529.500 đồng

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 57.549.000 đồng

**Ban kiểm soát:**

+ Thù lao Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 28.739.500 đồng

+ Thù lao Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 45.983.000 đồng

**Tổng cộng: 165.731.000 đồng**

Bằng chữ: *Một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn đồng.*

**2.2 Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/12/2018:**

**Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 246.445.353 đồng

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 160.941.200 đồng

**Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 201.179.874 đồng

+ Thù lao Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 64.376.200 đồng

**Tổng cộng: 672.942.627 đồng**

Bằng chữ: *Sáu trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm hai mươi bảy đồng.*

**Ghi chú:** Mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kế hoạch năm 2018 chưa trình Hội đồng thẩm định đơn giá tiền lương, quỹ lương tinh thẩm định. Trong trường hợp sau khi thẩm định có sự thay đổi sẽ điều chỉnh lại theo số được duyệt và báo cáo Đại hội tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

*(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 131 ngày 21/5/2018)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Hoàng**

## TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 127/NQ-HĐQT ngày 18/5/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận như sau:

#### 1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	359.742.631	a
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2017	23.336.619.296	b
3	Thuế TNDN	2.454.967.020	c
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	20.881.652.276	d = b-c
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Lợi nhuận của Công ty	20.902.053.807	e
	+ Lợi nhuận HTCN Sơn Hải	(20.401.531)	
5	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	21.261.796.438	f = (a+e)
6	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2017:	7.843.883.577	g = h+i+j+k
	+ Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	4.180.410.761	h = (e * 20%)
	+ Quỹ khen thưởng (2 tháng lương thực hiện x tỷ lệ lợi nhuận thực hiện / lợi nhuận kế hoạch)	2.375.946.576	i
	+ Quỹ phúc lợi (1 tháng lương thực hiện x tỷ lệ lợi nhuận thực hiện / lợi nhuận kế hoạch)	1.187.973.288	j



	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý (1 tháng lương thực hiện của NQL chuyên trách)	99.552.952	k
7	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	13.417.912.861	$l = f - g$
8	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 12% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	11.389.009.200	m
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	<i>1.200</i>	
9	Lợi nhuận chuyển sang năm 2018	2.008.502.130	$n = a+d-g-m$
	<i>Trong đó:</i> + Lợi nhuận của Công ty	2.028.903.661	$o = l - m$
	+ Lợi nhuận HTCN Sơn Hải	(20.401.531)	

(i), (j) và (k): Công ty trích căn cứ theo Điều 18 mục 5 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

(o) Phần lợi nhuận để lại chuyển sang năm sau tương đương với phần thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% là do: theo ý kiến của kiểm toán độc lập, Công ty TNHH kiểm toán Vaco, Công ty đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, vì vậy công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa. Tuy nhiên năm 2017 là năm đầu tiên áp dụng, để thận trọng công ty để lại lợi nhuận tương đương với phần thuế suất 10%, sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, trường hợp Công ty không được áp dụng thì sẽ trích nộp nhà nước phần thuế 10%, trường hợp công ty được áp dụng sẽ chuyển lợi nhuận sang năm và phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

## 2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 18/6/2018.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 09/7/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH - TÀI CHÍNH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số ...145./NQ-ĐHCĐ... ngày 31/5/2018)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>								
<b>1</b>	<b>Nước ghi thu</b>		<b>15.849.586</b>	<b>3.563.523</b>	<b>4.275.089</b>	<b>4.407.432</b>	<b>4.156.048</b>	<b>16.402.092</b>	
<b>1.1</b>	<b>Công ty</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>15.807.857</b>	<b>3.533.523</b>	<b>4.245.089</b>	<b>4.377.432</b>	<b>4.126.048</b>	<b>16.282.092</b>	
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	14.626.478	3.253.971	3.922.740	4.053.572	3.834.989	15.065.272	Tăng 3%
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp cho XNCN ĐMH	m <sup>3</sup>	1.181.379	279.552	322.349	323.860	291.059	1.216.820	Tăng 3%
<b>1.2</b>	<b>Sơn Hải</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>41.729</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>120.000</b>	<b>10.000 m3/tháng</b>
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>136.667</b>	<b>31.066</b>	<b>37.133</b>	<b>38.399</b>	<b>36.191</b>	<b>142.790</b>	
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu Công ty</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>136.362</b>	<b>30.847</b>	<b>36.914</b>	<b>38.180</b>	<b>35.972</b>	<b>141.914</b>	
	+ Doanh thu nước ghi thu	triệu đồng	122.021	28.046	33.810	34.938	33.054	129.848	
	+ Doanh thu nước cung cấp XNCN ĐMH	triệu đồng	2.961	757	873	878	789	3.297	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	triệu đồng	4.342	542	804	976	914	3.235	
	+ Doanh thu tài chính	triệu đồng	6.913	1.492	1.417	1.374	1.201	5.483	
	+ Doanh thu khác	triệu đồng	125	10	10	15	15	50	
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu nước Sơn Hải</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>305</b>	<b>219</b>	<b>219</b>	<b>219</b>	<b>219</b>	<b>876</b>	
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>113.330</b>	<b>27.393</b>	<b>30.052</b>	<b>30.367</b>	<b>29.621</b>	<b>117.433</b>	
<b>3.1</b>	<b>Chi phí Công ty</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>113.005</b>	<b>27.114</b>	<b>29.772</b>	<b>30.083</b>	<b>29.335</b>	<b>116.304</b>	
<b>3.1.1</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>85.491</b>	<b>20.544</b>	<b>23.030</b>	<b>23.469</b>	<b>23.026</b>	<b>90.069</b>	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	triệu đồng	35.778	7.881	9.468	9.764	9.203	36.316	
	+ Chi phí nhân công	triệu đồng	15.302	3.890	3.890	3.890	3.890	15.561	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	triệu đồng	3.041	909	909	909	909	3.637	
	+ Ăn ca	triệu đồng	1.787	513	513	513	513	2.050	
	+ Kinh phí CĐ	triệu đồng	280	85	85	85	85	339	
	+ Khấu hao TSCĐ	triệu đồng	23.423	6.014	6.661	6.758	6.965	26.398	
	+ Chi phí sản xuất chung	triệu đồng	5.880	1.252	1.504	1.551	1.462	5.768	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
3.1.2	Chi phí tài chính	triệu đồng	9.863	2.283	2.267	2.217	2.175	8.942	
3.1.3	Chi phí bán hàng	triệu đồng	7.452	2.088	2.018	1.895	1.719	7.720	
	+ Chi phí nhân công	triệu đồng	2.383	682	647	628	549	2.506	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	triệu đồng	4.509	1.249	1.181	1.072	986	4.487	
	+ Chi phí khác	triệu đồng	560	158	190	195	184	727	
3.1.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	10.198	2.198	2.456	2.501	2.414	9.569	
	+ Chi phí nhân công	triệu đồng	1.194	463	463	463	463	1.853	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	triệu đồng	75	46	46	46	46	183	
	+ Kinh phí CĐ	triệu đồng	7	4	4	4	4	17	
	+ Kinh phí Đảng bộ	triệu đồng	82	20	26	22	44	112	
	+ Chi phí khấu hao TS	triệu đồng	999	314	295	293	280	1.182	
	+ Chi phí khác	triệu đồng	7.841	1.350	1.622	1.673	1.577	6.222	
3.1.5	Chi phí khác	triệu đồng	1	1	1	1	1	4	
3.2	Chi phí Sơn Hải	triệu đồng	325	279	280	284	286	1.129	
3.2.1	Giá vốn hàng bán	triệu đồng	320	275	276	278	280	1.109	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	triệu đồng	158	115	115	116	116	462	
	+ Chi phí nhân công	triệu đồng	92	88	89	89	89	355	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	triệu đồng	12	12	12	12	12	48	
	+ Ăn ca	triệu đồng	9	13	13	13	14	53	
	+ Kinh phí CĐ	triệu đồng	1	1	1	1	2	5	
	+ Chi phí sản xuất chung	triệu đồng	48	46	46	47	47	186	
3.2.2	Chi phí bán hàng	triệu đồng	2	1	1	2	2	6	
3.2.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	3	3	3	4	4	14	
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	23.337	3.673	7.081	8.032	6.570	25.357	
	+ Công ty	triệu đồng	23.357	3.733	7.142	8.097	6.637	25.610	
	+ Sơn Hải	triệu đồng	(20)	(60)	(61)	(65)	(67)	(253)	
<b>II</b>	<b>TÀI CHÍNH</b>								
1	Vốn điều lệ	triệu đồng	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
2	Các khoản phải nộp NSNN	triệu đồng	10.317	2.084	2.744	2.917	2.653	10.396	




STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thuế TNDN	triệu đồng	2.455	380	730	831	681	2.622	
	+ Thuế GTGT	triệu đồng	232	100	100	100	100	400	
	+ Thuế tài nguyên	triệu đồng	26	6	7	7	7	27	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tân Sơn	triệu đồng	37	27	27	28	28	110	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	triệu đồng	9			9		9	
	+ Thuế môn bài	triệu đồng	7	7				7	
	+ Phí BVMTĐVN TSH	triệu đồng	5.900	1.361	1.640	1.695	1.603	6.299	
	+ Phí NTCN	triệu đồng	75	19	19	19	19	76	
	+ Phí DV MT rừng	triệu đồng	783	184	221	228	215	847	
	+ Phí trước bạ xe	triệu đồng	7						
	+ Thuê đất	triệu đồng	786						
3	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	20.882	3.293	6.351	7.201	5.889	22.735	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	22,002	3,470	6,692	7,587	6,205	23,955	
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	triệu đồng	25.092		12.187		11.985	24.172	
<b>III</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>								
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	triệu đồng	360					2.029	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	triệu đồng	20.902					22.988	Trừ Sơn Hải
3	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	triệu đồng	4.180					4.598	
4	Quỹ khen thưởng	triệu đồng	2.376					2.953	
5	Quỹ phúc lợi	triệu đồng	1.188					1.476	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	triệu đồng	100					232	
7	Chia cổ tức	triệu đồng	11.389					14.236	
8	Lợi nhuận chuyển sang năm sau	triệu đồng	2.029					1.522	
<b>IV</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>	<b>%</b>	<b>21</b>					<b>20</b>	
<b>V</b>	<b>ĐẦU TƯ XDCB</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>22.307</b>	<b>597</b>	<b>14.543</b>	<b>18.640</b>	<b>37.334</b>	<b>71.114</b>	
1	Đầu tư XDCB 2016 chuyển qua	triệu đồng	6.753	-	5			5	
1.1	Đầu tư XDCB năm 2016	triệu đồng	6.125	-	5			5	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Phát triển, cải tạo HTCN năm 2016	triệu đồng	335		5			5	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
	+ Mở rộng nhà làm việc NMN Tân Sơn	triệu đồng	58					-	
	+ Cải tạo công nghệ trạm bơm cấp 2 NMN Tân Sơn	triệu đồng	1.218					-	
	+ Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 2	triệu đồng	2.276					-	
	+ Lắp thêm trạm bơm cấp 1 NMN Tháp Chàm	triệu đồng	2.078					-	
	+ Xây phòng giao dịch Tháp Chàm	triệu đồng	160					-	
<b>1.2</b>	<b>Đầu tư khác năm 2016</b>		<b>628</b>					-	
	<i>Trong đó:</i>							-	
	+ Mua sắm máy móc thiết bị năm 2016 (máy đo độ đục)	triệu đồng	233					-	
	+ Phần mềm quản lý năm 2016	triệu đồng	28					-	
	+ Đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch phát triển HTCN TP. Phan Rang - Tháp Chàm đến năm 2025	triệu đồng	367					-	
<b>2</b>	<b>Đầu tư XD CB 2017 chuyển qua</b>	triệu đồng	<b>15.554</b>	-	<b>5.316</b>	-	-	<b>5.316</b>	
<b>2.1</b>	<b>Đầu tư XD CB năm 2017</b>	triệu đồng	<b>10.619</b>	-	<b>1.252</b>	-	-	<b>1.252</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Phát triển mở rộng HTCN năm 2017	triệu đồng	5.531		12			12	
	+ Cải tạo HTCN năm 2017	triệu đồng	1.390						
	+ Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 3	triệu đồng	3.698		1.240			1.240	
<b>2.2</b>	<b>Đầu tư khác năm 2017</b>	triệu đồng	<b>4.935</b>	-	<b>4.064</b>	-	-	<b>4.064</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Mua máy xử lý bùn NMN Tháp Chàm	triệu đồng	632		1.868			1.868	
	+ Lắp đặt hệ thống SCADA giám sát, điều khiển cho NMN Tháp Chàm	triệu đồng	290		706			706	
	+ SCADA quản lý mạng lưới cấp nước	triệu đồng	7		517			517	
	+ Lập trình phần mềm quản trị hệ thống, giám sát ghi chỉ số và tích hợp Dmeter Server; Lập trình phần mềm ứng dụng trên điện thoại và tích hợp quét mã vạch, máy in di động - Dmeter Online	triệu đồng	92		214			214	
	+ Giải pháp phần mềm quản lý nhân sự, chấm công và tiền lương	triệu đồng	149		224			224	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
	+ Cập nhật bổ sung dữ liệu GIS khu vực huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam thuộc mạng cấp nước Ninh Thuận	triệu đồng	163					-	
	+ Mua xe tải nhỏ phục vụ chống thất thoát	triệu đồng	380					-	
	+ Mua sắm máy móc thiết bị khác	triệu đồng	264					-	
	+ Cải tạo, sửa chữa các nhà máy	triệu đồng	2.958		535			535	
<b>3</b>	<b>Đầu tư XDCB 2018</b>	<b>triệu đồng</b>		<b>597</b>	<b>9.222</b>	<b>18.640</b>	<b>37.334</b>	<b>65.793</b>	
<b>3.1</b>	<b>Giá trị XDCB năm 2018</b>	<b>triệu đồng</b>		<b>597</b>	<b>1.972</b>	<b>17.440</b>	<b>21.334</b>	<b>41.343</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Mở rộng mạng lưới KV PR-TC	triệu đồng			1.012			1.012	
	+ Cải tạo mạng lưới KV PR-TC	triệu đồng		272	500			772	
	+ Mở rộng mạng lưới KV Thuận Nam	triệu đồng				731		731	
	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước	triệu đồng				998	613	1.611	
	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	triệu đồng					721	721	
	+ Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn	triệu đồng		325	50			375	
	+ Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	triệu đồng				711		711	
	+ Cải tạo mạng lưới KV Ninh Hải	triệu đồng			410			410	
	+ Tuyến ống cấp nước khu CN Du Long	triệu đồng				15.000	20.000	35.000	Thương thảo, lập dự án và bố trí cân đối nguồn vốn
<b>3.2</b>	<b>Đầu tư khác năm 2018</b>	<b>triệu đồng</b>		<b>-</b>	<b>7.250</b>	<b>1.200</b>	<b>6.000</b>	<b>14.450</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Lắp đặt SCADA khu vực PR-TC; Ninh Hải	triệu đồng			1.500			1.500	
	+ Cải tạo công trình thu nước NMN Tân Sơn	triệu đồng			1.000			1.000	
	+ Cải tạo Công trình thu NMN Tháp Chàm	triệu đồng			1.400			1.400	
	+ Xưởng gia công cơ khí NMN Tháp Chàm	triệu đồng			800			800	
	+ Lắp mới biến tần trạm bơm cấp 1 NMN Tháp Chàm	triệu đồng					350	350	
	+ Cải tạo nâng cấp bơm đi Phan Rang và đi Phước Dân trạm 2 NMN Tháp Chàm	triệu đồng					4.100	4.100	
	+ Lắp đặt hệ thống giám sát, điều khiển SCADA dây chuyền sản xuất NMN Tháp Chàm (Giai đoạn 2)	triệu đồng			1.000			1.000	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch Quý năm 2018					Ghi chú
				Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018	Cộng 2018	
	+ Đánh giá ĐTM Nâng cấp khu xử lý Nhà Máy nước Tháp Chàm 52.000m3/ngđ lên 150.000m3/ngđ	triệu đồng					850	850	
	+ Xin cấp phép khai thác nước mặt NMN Tháp Chàm 150.000m3/ngđ	triệu đồng					700	700	
	+ Sửa chữa các công trình xây dựng của 1 số đơn vị trong công ty (Sân Công ty, tường rào Đông Mỹ Hải )	triệu đồng			300			300	
	+ Nâng cấp phần mềm kế toán	triệu đồng				350		350	
	+ Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng	triệu đồng				350		350	
	+ Mua máy dò tìm xì chày	triệu đồng			550			550	
	+ Mua sắm thiết bị khác	triệu đồng			500			500	
	+ Dự phòng thay thế thiết bị	triệu đồng				500		500	
	+ Bố trí phòng làm việc cho CT HĐQT chuyên trách và Trưởng Ban KS chuyên trách				200			200	
<b>3.3</b>	<b>Nghiên cứu đầu tư các công trình</b>						10.000	10.000	chủ yếu cho công tác chuẩn bị đầu tư
	+ Nâng cấp NMN Tháp Chàm								
	+ Mở rộng trạm tăng áp KV PR - TC								
	+ Cấp nước khu du lịch ven biển, khu vực mũi Dinh								
	+ Cấp nước dự án năng lượng tái tạo								
	+ Cấp nước các khu công nghiệp								
	+ Cấp nước các dự án sản xuất tôm giống								
	+ Cấp nước các dự án cảng tổng hợp Cà Ná								
<b>3.4</b>	<b>Nghiên cứu phương án tiếp nhận tài sản, quản lý vận hành hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam</b>								



**TM, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng

## TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị,  
thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận  
Nhiệm kỳ (2014-2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 5 tại Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, thông qua ngày 25/8/2017;

Căn cứ Công văn số 1864/UBND-KGVX ngày 9/5/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc kiện toàn nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận:

**\* Thống nhất cho thôi người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đối với các ông:**

1. Ông Nguyễn Hoàng – Phó Giám đốc Sở Tài chính (35% phần trăm cổ phần Nhà nước).
2. Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Giám đốc Sở Xây dựng (35% phần trăm cổ phần Nhà nước).
3. Ông Phạm Hồng Châu – Giám đốc Công ty (30% phần trăm cổ phần Nhà nước).

**\* Thống nhất chủ trương kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận:**

1. Cho thôi chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Trần Hồng Phương.
2. Cho thôi tham gia Ban kiểm soát đối với ông Phạm Hữu Sơn và ông Lê Thanh Hải.

Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS đúng quy định của pháp luật, cũng như Điều lệ Công ty quy định. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ (2014-2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**



**TỜ TRÌNH**

**Về việc Thông qua số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị,  
Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận  
Nhiệm kỳ (2014-2019)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 5 tại Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, thông qua ngày 25/8/2017;

Căn cứ Công văn số 1717/UBND-KGVX ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc kiện toàn nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận:

**Về số lượng và cơ cấu:**

**1. Đối với Hội đồng quản trị:**

- Về số lượng: thống nhất số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người (*Theo Điều lệ Công ty*).

\* Cổ đông Nhà nước có tỷ lệ cổ phần nắm giữ 52,06% giới thiệu 03 thành viên.

- Về cơ cấu: căn cứ vào tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông, thống nhất giới thiệu như sau:

+ 01 nhân sự giới thiệu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ 01 thành viên Hội đồng quản trị giới thiệu giữ chức vụ Lãnh đạo Công ty;

+ 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Ngày 9/5/2018 UBND tỉnh Ninh Thuận có Công văn số 1864/UBND-KGVX về việc kiện toàn nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Cử ông Phạm Hữu Sơn, Trưởng phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Sở Xây dựng làm người đại diện 100% vốn Nhà nước tại Công ty



Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đề giới thiệu bầu giữ chức vụ chuyên trách Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cử ông Nguyễn Đức Cảm, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận làm người đại diện tham gia thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cử ông Nguyễn Quốc Quyền, Giám đốc Nhà máy nước Tháp Chàm làm người đại diện tham gia thành viên Hội đồng quản trị.

\* Cổ đông chiến lược nắm giữ 42,38% CP giới thiệu 02 thành viên tham gia Hội đồng quản trị.

+ Ông Đinh Ân

+ Ông Võ Ngọc Thoại

## **2. Đối với Ban Kiểm soát Công ty:**

- Về số lượng: thống nhất số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người (Theo Điều lệ Công ty).

\* Cổ đông Nhà nước có tỷ lệ cổ phần nắm giữ 52,06% giới thiệu 01 thành viên.

- Về cơ cấu: căn cứ vào tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông, thống nhất giới thiệu như sau:

+ 01 nhân sự tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty.

Ngày 9/5/2018 UBND tỉnh Ninh Thuận có Công văn số 1864/UBND-KGVX về việc kiện toàn nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cụ thể như sau:

+ Giới thiệu bà Bá Bạch Thủy Tiên, Kế toán trưởng Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Ninh Thuận tham gia Ban Kiểm soát Công ty.

\* Cổ đông chiến lược nắm giữ 42,38% CP giới thiệu 02 thành viên tham gia Ban Kiểm soát.

+ Bà Đinh Lê Ngọc Trâm.

+ Ông Phan Ngọc Minh

Ngày 15/5/2018, Hội đồng quản trị đã nhận đầy đủ hồ sơ đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Qua thẩm tra hồ sơ và đối chiếu với các quy định liên quan của pháp luật, các ứng viên trên đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định, đủ năng lực và đủ tư cách để đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

## **II. Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ (2014-2019):**

(Danh sách đã gửi cho cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**